

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 19/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhân
2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T (T Điền), sinh năm 1997 tại thị xã B , tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, thị xã B , tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng N và bà Nguyễn Thị L.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Vào ngày 25/6/2020, Nguyễn Văn T bị Công an xã Đ , thị xã B xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 0020166/QĐ-XPHC về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền là 1.500.000 đồng (bị cáo đã đóng phạt).

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B , tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Phước L, sinh năm 1996 tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị Bạch H.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Trần Minh H , sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P , xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Trần Minh H , sinh năm 1992 (có mặt)

2/ Anh Châu Quan L , sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh Lê Văn Bằng S , sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P , xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 18/7/2020, anh Trần Minh H , cư trú ấp P , xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long phát hiện bị mất trộm 11 (mười một) con gà trống (tổng trọng lượng 23,9kg) đang nhốt trước nhà nên trình báo đến Công an xã L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình tiến hành xác minh và mời Nguyễn Văn T và Trần Phước L để làm việc, T và L khai nhận: Vào khoảng 23 giờ, ngày 17/7/2020 T, L cùng các đối tượng Trần Minh H , Châu Quan L , Lê Văn Bằng S đã cùng nhau trộm cắp 11 (mười một) con gà của anh Trần Minh H rồi đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Trong đó, T đứng bên ngoài canh đường, L thì trực tiếp bắt trộm gà. Sau khi trộm xong, T và L dùng những con gà trộm được để đổi lấy 02 tép ma túy để sử dụng và số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/KL.ĐGTS ngày 02/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tam Bình kết luận:

1/ 01 (một) con gà trống lông màu trắng, vàng trọng lượng 3,1kg x 110.000 đồng/kg = 341.000 đồng;

2/ 01 (một) con gà trống lông màu trắng, đen trọng lượng 3,0kg x 110.000 đồng/kg = 330.000 đồng;

3/ 01 (một) con gà trống lông màu vàng trọng lượng 2,7kg x 110.000 đồng/kg = 297.000 đồng;

4/ 01 (một) con gà trống lông màu xanh trọng lượng 2,4kg x 110.000 đồng/kg = 264.000 đồng;

5/ 01 (một) con gà trống lông màu vàng trọng lượng 2,4kg x 110.000 đồng/kg = 264.000 đồng;

6/ 01 (một) con gà trống lông màu trắng, đen trọng lượng 2,4kg x 110.000 đồng/kg = 264.000 đồng;

7/ 01 (một) con gà trống lông màu xanh trọng lượng 2,2kg x 110.000 đồng/kg = 242.000 đồng;

8/ 01 (một) con gà trống lông màu đỏ, đen trọng lượng 1,7kg x 110.000 đồng/kg = 187.000 đồng;

9/ 01 (một) con gà trống lông màu xanh trọng lượng 1,4kg x 110.000 đồng/kg = 154.000 đồng;

10/ 01 (một) con gà trống lông màu vàng trọng lượng 1,3kg x 110.000 đồng/kg = 143.000 đồng;

11/ 01 (một) con gà trống lông màu vàng trọng lượng 1,3kg x 110.000 đồng/kg = 143.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản định giá là: 2.629.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T và Trần Phước L thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với hiện trường vụ án, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các đối tượng Trần Minh H , Châu Quan L và Lê Văn Bằng S không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình đã cho tiến hành đối chất giữa các bị cáo T, L với H , L và S nhưng không đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của H , L và S cùng tham gia trộm cắp tài sản của anh H vào ngày 17/7/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Minh H yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm theo kết luận định giá tài sản và không yêu cầu gì thêm. Bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 400.000 đồng để bồi thường cho bị hại.

- Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình chuyển số tiền Việt Nam: 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tiếp tục quản lý, chờ xét xử.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKSTB ngày 28/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố các bị cáo là đúng hành vi, không oan, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với các đối tượng Trần Minh H , Châu Quan L và Lê Văn Bằng S , quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình không chứng minh được H , L và S có hành vi trộm cắp tài sản cùng với các bị cáo T và L nên không đề cập xử lý.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố

đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L về tội “Trộm cắp tài sản”.

Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phước L mức án từ 03 (Ba) tháng đến 05 (Năm) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 2.629.000 đồng, bị cáo L đã bồi thường 1.315.000 đồng xong, bị cáo T bồi thường 1.314.000 đồng được khấu trừ số tiền 400.000 đồng đã nộp trong quá trình điều tra nên bị cáo T còn phải bồi thường tiếp số tiền là 914.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 23 giờ, ngày 17/7/2020 tại nhà anh Trần Minh H thuộc ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L đã có hành vi lén lút trộm cắp 11 (mười một) con gà trống, tổng trọng lượng 23,9kg, có tổng trị giá là 2.629.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng) của anh Trần Minh H.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật hình sự trừng phạt nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động, để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi đó thể hiện ý thức xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xét xử các bị cáo thật nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm, giữa hai bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ trước khi thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo phạm tội nhưng đã khắc phục được một phần hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Minh H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.629.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường 1.315.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường 1.314.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị cáo T nộp được số tiền 400.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Ngày 02/12/2020 bị cáo L đã nộp số tiền 1.315.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Phước L và Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Trần Minh H số tiền là 2.629.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng), trong đó bị cáo Trần Phước L bồi thường số tiền 1.315.000 đồng (Một triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng), bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 1.314.000 đồng (Một triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng).

Bị cáo Trần Phước L đã nộp số tiền 1.315.000 đồng để bồi thường cho anh H theo biên lai thu tiền số N_o 0004595, ngày 02/12/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên tiếp tục tạm giữ số tiền này của bị cáo L để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số tiền là 400.000 đồng để bồi thường cho anh H theo biên lai thu tiền số N_o 0004636 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Tam Bình nên tiếp tục tạm giữ số tiền này của bị cáo T để đảm bảo việc thi hành án và buộc bị cáo T bồi thường tiếp cho anh H số tiền là 914.000 đồng (Chín trăm mười bốn ngàn đồng).

[2.6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

[2.7] Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước Lộc, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

2.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Phước L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Phước L 05 (Năm) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

3.1 Buộc các bị cáo Trần Phước L, Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Trần Minh H số tiền là 2.629.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng), trong đó bị cáo Trần Phước L bồi thường số tiền 1.315.000 đồng (Một triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng), bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 1.314.000 đồng (Một triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng).

Bị cáo Trần Phước L đã nộp số tiền 1.315.000 đồng để bồi thường cho anh H theo biên lai thu tiền số N_o 0004595, ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, nên tiếp tục tạm giữ số tiền này của bị cáo L để đảm bảo việc thi hành án .

Bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số tiền là 400.000 đồng để bồi thường cho anh H theo biên lai thu tiền số N_o 0004636 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên tiếp tục tạm giữ số tiền này của bị cáo T để đảm bảo việc thi hành án và buộc bị cáo T bồi thường tiếp cho anh H số tiền là 914.000 đồng (Chín trăm mười bốn ngàn đồng).

3.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Phước L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã B ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo